

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN
ĐẦU TƯ ĐỊA ỐC NO VA
NO VA LAND INVESTMENT
GROUP CORPORATION**

---o0o---

Số/No.:...../2020-NQ.ĐHĐCĐ-NVLG

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness**

---o0o---

TP. Hồ Chí Minh, ngày..... tháng 09 năm 2020
Ho Chi Minh City, September....., 2020

**NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ ĐỊA ỐC NO VA
RESOLUTION OF THE GENERAL MEETING OF SHAREHOLDERS
OF NO VA LAND INVESTMENT GROUP CORPORATION**

Căn cứ/Pursuant to:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2014;
The Law on Enterprises No. 68/2014/QH13 dated on November 26th, 2014;
- Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 được Quốc hội thông qua ngày 29/6/2006;
The Law on Securities No. 70/2006/QH11 dated on June 29th, 2006;
- Luật Sửa đổi, Bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán số 62/2010/QH12 được Quốc hội thông qua ngày 24/11/2010;
The Law Amending, Supplementing a number of articles of the Law on Securities No. 62/2010/QH12 dated on November 24th, 2010;
- Điều lệ của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va ("**Công Ty**");
The Charter of No Va Land Investment Group Corporation ("The Company");
- Quy chế quản trị Công Ty;
The Regulation of Corporate Governance;
- Tờ trình của Hội đồng quản trị ("**HĐQT**") Công Ty số 38/2020-TTr-NVLG ngày 31/08/2020 về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công Ty và Quy chế quản trị Công Ty;
*The Proposal of the Board of Directors ("**BOD**") No 38/2020-TTr-NVLG dated on August 31st, 2020 Re. Amending, supplementing the Company's Charter and the Regulation of Corporate Governance;*
- Biên bản kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông Công Ty ngày...../09/2020;
The Minutes of voting checking results of shareholder's written opinions dated September....., 2020.

**QUYẾT NGHỊ
RESOLVES**

ĐIỀU 1: Thông qua việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Điều lệ Công Ty như sau:
ARTICLE 1: *Approval of amending, supplementing a number of articles of the Company's Charter, details are as follows:*

STT/ No.	Điều lệ hiện hành <i>The current Company's Charter</i>	Điều lệ sửa đổi, bổ sung <i>The revised Company's Charter</i>	Căn cứ/Lý do sửa đổi, bổ sung <i>The reason for amending, supplementing</i>
1	Điều 35. Thành phần và nhiệm kỳ của Thành viên HĐQT 3. Các Cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06)	Điều 35. Thành phần và nhiệm kỳ của Thành viên HĐQT 3. Các Cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06)	Điều chỉnh lại quy định nhằm phân định rõ các mức tỷ lệ sở hữu có quyền đề cử.

<p>tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên HĐQT. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông nắm giữ từ năm phần trăm (5%) đến dưới mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ mười phần trăm (10%) đến dưới ba mươi phần trăm (30%) được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ ba mươi phần trăm (30%) đến dưới bốn mươi phần trăm (40%) được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ bốn mươi phần trăm (40%) đến dưới năm mươi phần trăm (50%) được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ năm mươi phần trăm (50%) đến dưới sáu mươi phần trăm (60%) được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ sáu mươi phần trăm (60%) đến dưới bảy mươi phần trăm (70%) được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; <u>từ bảy mươi phần trăm (70%) đến tám mươi phần trăm (80%) được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên</u>; và từ tám mươi phần trăm (80%) đến dưới chín mươi phần trăm (90%) được đề cử tối đa tám (08) ứng viên;</p> <p>Article 35. Composition and Term of Office of Members of the BOD</p> <p>3. <i>The shareholders holding shares with voting rights in a continuous period of at least six (06) months may include the voting rights of each person together to nominate the BOD members. Shareholder or group of shareholders holding five per cent (5%) to less than ten per cent (10%) of the total number of shares with voting rights shall be entitled to nominate one (01) candidate; from ten per cent (10%) to less than thirty per cent (30%) entitled to nominate up to two (02) ; from thirty per cent (30%) to less than forty per cent (40%) entitled to nominate three (03) candidates; from forty per cent (40%) to fifty per cent (50%) entitled to nominate up to four (04) candidates; from fifty per</i></p>	<p>tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên HĐQT. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông nắm giữ từ năm phần trăm (5%) đến dưới mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ mười phần trăm (10%) đến dưới ba mươi phần trăm (30%) được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ ba mươi phần trăm (30%) đến dưới bốn mươi phần trăm (40%) được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ bốn mươi phần trăm (40%) đến dưới năm mươi phần trăm (50%) được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ năm mươi phần trăm (50%) đến dưới sáu mươi phần trăm (60%) được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ sáu mươi phần trăm (60%) đến dưới bảy mươi phần trăm (70%) được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; <u>từ bảy mươi phần trăm (70%) đến tám mươi phần trăm (80%) được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên</u>; và từ tám mươi phần trăm (80%) đến dưới chín mươi phần trăm (90%) được đề cử tối đa tám (08) ứng viên;</p> <p>Article 35. Composition and Term of Office of Members of the BOD</p> <p>3. <i>The shareholders holding shares with voting rights in a continuous period of at least six (06) months may include the voting rights of each person together to nominate the BOD members. Shareholder or group of shareholders holding five per cent (5%) to less than ten per cent (10%) of the total number of shares with voting rights shall be entitled to nominate one (01) candidate; from ten per cent (10%) to less than thirty per cent (30%) entitled to nominate up to two (02) ; from thirty per cent (30%) to less than forty per cent (40%) entitled to nominate three (03) candidates; from forty per cent (40%) to fifty per cent (50%) entitled to nominate up to four (04) candidates; from fifty per</i></p>	<p><i>To clearly define the rates of nomination.</i></p>
---	---	--

	cent (50%) to less than sixty per cent (60%) entitled to nominate up to five (05) candidates; from sixty per cent (60%) to less than seventy per cent (70%) entitled to nominate up to six (06) candidates; <u>between seventy per cent (70%) and eighty per cent (80%) entitled to nominate up to (07) candidates; and from eighty per cent (80%) to less than ninety per cent (90%) entitled to nominate up to eight (08) candidates;</u>	cent (50%) to less than sixty per cent (60%) entitled to nominate up to five (05) candidates; from sixty per cent (60%) to less than seventy per cent (70%) entitled to nominate up to six (06) candidates; <u>from seventy per cent (70%) to less than eighty per cent (80%) entitled to nominate up to (07) candidates; and from eighty per cent (80%) to less than ninety per cent (90%) entitled to nominate up to eight (08) candidates;</u>	
2	<p>Điều 39. Các Tiểu ban của HĐQT 4. Có thể bổ sung thêm những người không phải là Thành viên HĐQT vào các Tiểu ban nêu trên <u>nhưng phải bảo đảm số lượng các thành viên không phải là Thành viên HĐQT không nhiều hơn một nửa tổng số thành viên của mỗi Tiểu ban;</u></p> <p>Article 39: Committees of the BOD 4. <u>It is possible to add non-BOD members to the aforementioned Committees provided that the number of non-BOD members is not greater than half of the total number of members in each Committee.</u></p>	<p>Điều 39. Các Tiểu ban của HĐQT 4. Có thể bổ sung thêm những người không phải là Thành viên HĐQT vào các Tiểu ban nêu trên. <u>Trừ trường hợp pháp luật có quy định khác, cơ cấu thành viên các Tiểu ban phải bảo đảm có ít nhất 01 thành viên HĐQT;</u></p> <p>Article 39: Committees of the BOD 4. <u>It is possible to add non-BOD members to the aforementioned Committees provided. Unless otherwise provided by law, the member structure of the Committees must ensure at least 01 member of the BOD.</u></p>	<p>Điều chỉnh lại để phù hợp với định hướng quản trị của Công Ty. <i>Amending to suit the company's governance orientation</i></p>

ĐIỀU 2: Thông qua việc sửa đổi , bổ sung một số điều của Quy chế quản trị Công Ty như sau:
ARTICLE 2: Approval of amending, supplementing a number of articles of the Regulation of Corporate Governance, details are as follow:

Stt No	Quy chế quản trị Công Ty hiện hành <i>The current Regulation of Corporate Governance</i>	Quy chế quản trị Công Ty sửa đổi, bổ sung <i>The revised Regulation of Corporate Governance</i>	Căn cứ/lý do sửa đổi, bổ sung <i>The reason for amending, supplementing</i>
1	<p>Điều 11. Ứng cử, đề cử, bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Thành viên HĐQT 3. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng <u>tính đến thời điểm chốt danh sách cổ đông dự họp</u> có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên HĐQT. Việc đề cử ứng viên HĐQT mà các cổ đông sau khi gộp số quyền biểu quyết có quyền đề</p>	<p>Điều 11. Ứng cử, đề cử, bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Thành viên HĐQT 3. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng <u>tính đến thời điểm chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự cuộc họp ĐHCĐ</u> có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên HĐQT. Việc đề cử ứng viên HĐQT mà các cổ đông sau khi gộp số</p>	<p>Bổ sung thêm để làm rõ Khoản 3 Điều 11 Quy chế không áp dụng đối với trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết ĐHCĐ. <i>To clarify the Clause 3, Article</i></p>

Stt No	Quy chế quản trị Công Ty hiện hành <i>The current Regulation of Corporate Governance</i>	Quy chế quản trị Công Ty sửa đổi, bổ sung <i>The revised Regulation of Corporate Governance</i>	Căn cứ/lý do sửa đổi, bổ sung <i>The reason for amending, supplementing</i>
	<p>cử phải tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty. Article 11: Self-nomination, nomination, election, dismissal and gross misconduct dismissal of members of the Board of Directors 3. The shareholders holding shares with voting rights in a continuous period of at least six (06) months may add up the number of voting rights of each person to nominate candidates to the BOD in accordance with the laws and the Company's Charter.</p>	<p>quyền biểu quyết có quyền đề cử phải tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty. Article 11: Self-nomination, nomination, election, dismissal and gross misconduct dismissal of members of the Board of Directors 3. The shareholders holding shares with voting rights in a continuous period of at least six (06) months <u>up to the record date for the list of shareholders to attend the General Meeting of shareholders</u> may add up the number of voting rights of each person to nominate candidates to the BOD in accordance with the laws and the Company's Charter.</p>	<p>11 of this Resolution not apply for collecting Shareholder's written opinion to approve the Resolution of GMS</p>
2	<p>Điều 11. Ứng cử, đề cử, bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Thành viên HĐQT 6. Miễn nhiệm thành viên HĐQT a. Việc miễn nhiệm thành viên HĐQT được đề cập theo quy định tại Điểm a, b và d Khoản 7 Điều 35 Điều lệ Công ty hoặc không đáp ứng tiêu chuẩn quy định tại <u>Khoản 2 Điều 14</u> Quy chế này. b. Trường hợp một thành viên HĐQT không đủ tư cách theo quy định của Pháp luật hoặc không có đủ năng lực hành vi hoặc không đáp ứng tiêu chuẩn quy định tại <u>Khoản 2 Điều 14</u> Quy chế này thì Tiểu ban nhân sự của HĐQT sẽ chịu trách nhiệm thu thập bằng chứng, thông tin và lập báo cáo đề xuất, trình HĐQT. c. Đối với trường hợp từ nhiệm theo quy định tại Điểm b Khoản 7 Điều 35 Điều lệ thì Tiểu ban nhân sự sẽ chịu trách nhiệm xem xét và trình HĐQT. 7. Bãi nhiệm thành viên HĐQT a. Việc bãi nhiệm thành viên HĐQT được đề cập theo quy định tại Điểm a và c Khoản 7 Điều 35 Điều lệ Công ty hoặc không đáp ứng tiêu chuẩn quy định tại <u>Khoản 2 Điều 14</u> Quy chế này.</p>	<p>Điều 11. Ứng cử, đề cử, bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Thành viên HĐQT 6. Miễn nhiệm thành viên HĐQT a. Việc miễn nhiệm thành viên HĐQT được đề cập theo quy định tại Điểm a, b và d Khoản 7 Điều 35 Điều lệ Công ty hoặc không đáp ứng tiêu chuẩn quy định tại <u>Điều 14</u> Quy chế này. b. Trường hợp một thành viên HĐQT không đủ tư cách theo quy định của Pháp luật hoặc không có đủ năng lực hành vi hoặc không đáp ứng tiêu chuẩn quy định tại <u>Điều 14</u> Quy chế này thì Tiểu ban nhân sự của HĐQT sẽ chịu trách nhiệm thu thập bằng chứng, thông tin và lập báo cáo đề xuất, trình HĐQT. c. Đối với trường hợp từ nhiệm theo quy định tại Điểm b Khoản 7 Điều 35 Điều lệ thì Tiểu ban nhân sự sẽ chịu trách nhiệm xem xét và trình HĐQT. 7. Bãi nhiệm thành viên HĐQT a. Việc bãi nhiệm thành viên HĐQT được đề cập theo quy định tại Điểm a và c Khoản 7 Điều 35 Điều lệ Công ty hoặc không đáp ứng tiêu chuẩn quy định tại <u>Điều 14</u></p>	<p>Bỏ dẫn chiếu đến Khoản 2 Điều 14 để phù hợp với cấu trúc của Điều 14 hiện tại. <i>Delete reference to Clause 2 Article 14 to be in accordance with the structure of existing Article 14.</i></p>

Stt No	Quy chế quản trị Công Ty hiện hành <i>The current Regulation of Corporate Governance</i>	Quy chế quản trị Công Ty sửa đổi, bổ sung <i>The revised Regulation of Corporate Governance</i>	Căn cứ/lý do sửa đổi, bổ sung <i>The reason for amending, supplementing</i>
	<p>b. Đối với trường hợp thành viên HĐQT bị pháp luật cấm không được làm thành viên HĐQT, HĐQT sẽ triệu tập cuộc họp để xem xét.</p> <p>c. Đối với trường hợp thành viên HĐQT không hoàn thành nhiệm vụ, không đáp ứng tiêu chuẩn quy định tại <u>Khoản 2 Điều 14</u> Quy chế này thì Tiểu ban nhân sự chịu trách nhiệm thu thập bằng chứng, thông tin và lập báo cáo đề xuất trình HĐQT.</p> <p>Article 11: Self-nomination, nomination, election, dismissal and gross misconduct dismissal of members of the Board of Directors.</p> <p>6. Dismissal of BOD members</p> <p>a. The dismissal of a BOD member is stipulated in accordance with Points a, b and d, Clause 7, Article 35 of the Company's Charter or in the event of failure to meet the criteria specified in <u>Clause 2, Article 14</u> of this Regulation.</p> <p>b. In case a BOD member is not legally qualified or does not have adequate capacity for civil acts or fails to meet the criteria specified in <u>Clause 2, Article 14</u> of this Regulation, the Human Resources Committee shall be responsible for collecting evidence, information and making proposals to submit to the BOD.</p> <p>c. Cases of resignation prescribed at Point b, Clause 7 Article 35 of the Company's Charter shall be reviewed by the Human Resources Committee and submitted to the BOD.</p> <p>7. Gross misconduct dismissal of BOD members</p> <p>a) The gross misconduct dismissal of a BOD member is stipulated in accordance with Points a and c, Clause 7, Article 35 of the Company's Charter or in the event of failure to meet the criteria specified in <u>Clause 2, Article 14</u> of this Regulation.</p>	<p>Quy chế này.</p> <p>b. Đối với trường hợp thành viên HĐQT bị pháp luật cấm không được làm thành viên HĐQT, HĐQT sẽ triệu tập cuộc họp để xem xét.</p> <p>c. Đối với trường hợp thành viên HĐQT không hoàn thành nhiệm vụ, không đáp ứng tiêu chuẩn quy định tại <u>Điều 14</u> Quy chế này thì Tiểu ban nhân sự chịu trách nhiệm thu thập bằng chứng, thông tin và lập báo cáo đề xuất trình HĐQT.</p> <p>Article 11: Self-nomination, nomination, election, dismissal and gross misconduct dismissal of members of the Board of Directors</p> <p>6. Dismissal of BOD members</p> <p>a. The dismissal of a BOD member is stipulated in accordance with Points a, b and d, Clause 7, Article 35 of the Company's Charter or in the event of failure to meet the criteria specified in <u>Article 14</u> of this Regulation.</p> <p>b. In case a BOD member is not legally qualified or does not have adequate capacity for civil acts or fails to meet the criteria specified in <u>Article 14</u> of this Regulation, the Human Resources Committee shall be responsible for collecting evidence, information and making proposals to submit to the BOD.</p> <p>c. Cases of resignation prescribed at Point b, Clause 7 Article 35 of the Company's Charter shall be reviewed by the Human Resources Committee and submitted to the BOD.</p> <p>7. Gross misconduct dismissal of BOD members</p> <p>a) The gross misconduct dismissal of a BOD member is stipulated in accordance with Points a and c, Clause 7, Article 35 of the Company's Charter or in the event</p>	

Stt No	Quy chế quản trị Công Ty hiện hành <i>The current Regulation of Corporate Governance</i>	Quy chế quản trị Công Ty sửa đổi, bổ sung <i>The revised Regulation of Corporate Governance</i>	Căn cứ/lý do sửa đổi, bổ sung <i>The reason for amending, supplementing</i>
	<p>b) <i>In case a BOD member is prohibited by law from being a member of the BOD, the BOD will convene a meeting to consider.</i></p> <p>c) <i>In case a BOD member fails to perform his/her duties or fails to meet the criteria specified in <u>Clause 2, Article 14</u> of this Regulation, the Human Resources Committee shall be responsible for collecting evidence, information and making proposals to submit to the BOD</i></p>	<p><i>of failure to meet the criteria specified in <u>Article 14</u> of this Regulation.</i></p> <p>b) <i>In case a BOD member is prohibited by law from being a member of the BOD, the BOD will convene a meeting to consider.</i></p> <p>c) <i>In case a BOD member fails to perform his/her duties or fails to meet the criteria specified in <u>Article 14</u> of this Regulation, the Human Resources Committee shall be responsible for collecting evidence, information and making proposals to submit to the BOD</i></p>	

ĐIỀU 3: Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký. HĐQT, các Phòng/Ban và các cá nhân có liên quan căn cứ nội dung Nghị quyết này để triển khai thực hiện./.

ARTICLE 3: *This Resolution shall be effective from the date of signing. The BOD is required to execute the tasks in accordance to this Resolution./.*

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
ON BEHALF OF THE GENERAL
MEETING OF SHAREHOLDERS
CHAIRMAN OF THE BOARD**

BÙI THÀNH NHƠN